

Bản án số:05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2021

"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 202 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lại Chí L, sinh năm 1978(Vắng mặt có đơn);

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thu Ng, sinh năm 1979 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 9 Xáng, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh L trình bày và yêu cầu như sau:

Anh L và chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng năm 1998, đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì mâu thuẫn phát sinh thường xuyên, nguyên nhân sống không hợp nhau, mỗi lần cự cãi nhau thì chị Ng bỏ nhà đi nhưng anh L vẫn cố gắng nhẫn nhịn kéo dài thời gian để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng lớn

thêm nên anh L và chị Ng đã sống ly thân nhau một thời gian dài. Anh L xác định trong thời gian chung sống thì có 02 đứa con chung tên Lại Thị Ngọc Bích, sinh ngày 22/9/1999 và Lại Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 03/7/2002, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ chung, không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 22/01/2021 chị Lê Thị Thu Ng trình bày: chị Ng xác định hôn nhân giữa chị và anh L không đăng ký kết hôn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L, về con có 02 đứa con chung như anh L trình bày, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung thống nhất như ý kiến anh L nêu ra, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh L, bị đơn chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và ý kiến trình bày gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Anh L và chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống như vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh L có đơn khởi kiện xin ly hôn, xét thấy; hôn nhân giữa anh L và chị Ng xác lập năm 1998 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thấy rằng: anh L và chị Ng đã có nhiều bất đồng xảy ra, nên anh L xác định đã ly thân nhau từ một thời gian dài khoảng hơn 02 năm nay nên cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm gì với nhau. Nay anh L có đơn gửi đến yêu cầu ly hôn với chị Ng thì Tòa án thụ lý căn cứ tại điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết, Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 ghi “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Khoản 2 Điều 53 “ *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại*

Điều 14 của luật này...” vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lại Chí L và chị Lê Thị Thu Ng là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh L và chị Ng xác định có 02 đứa con chung tên Lại Thị Ngọc Bích, sinh ngày 22/9/1999 và Lại Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 03/7/2002, hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được. Khi ly hôn nhau anh L và chị Ng không yêu cầu Tòa giải quyết nên không em xét.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: anh L và chị Ng cùng xác định, không tranh chấp. Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lại Chí L và chị Lê Thị Thu Ng.

[2] Về con chung: Anh L và chị Ng cùng thống nhất xác định có 02 đứa con chung tên Lại Thị Ngọc Bích, sinh ngày 22/9/1999 và Lại Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 03/7/2002, hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được. Khi ly hôn nhau anh L và chị Ng không yêu cầu Tòa giải quyết nên không em xét.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: anh L và chị Ng cùng xác định, không tranh chấp. Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Lại Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đồng mà anh L nộp theo

biên lai số 0006215 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh L nộp xong tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/02/2021)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;

Lê Mỹ Huê